

Bản án số: 62/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20-7-2022

“V/v Tranh chấp về Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhập.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Hồng Hạnh

Ông Danh Út Nhỏ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vũ Đức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa:
Ông Võ Hoàng Hạng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 27/2022/TLST-HNGĐ, ngày 08/02/2022 về việc “Tranh chấp về ly hôn và yêu cầu nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị N – sinh năm 1994 (có mặt);

Địa chỉ: KPPT, TTGQ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Hiện tạm trú: Ấp MX, xã TPH, huyện PH, tỉnh Hậu Giang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng K – sinh năm 1992 (vắng mặt);

Địa chỉ: KPPT, TTGQ, huyện G, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 07/02/2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn Chị Lê Thị N trình bày:

Vào năm 2012, chị kết hôn cùng với anh Nguyễn Hoàng K, hôn nhân tự nguyện, gia đình hai bên không có tổ chức lễ cưới mà vợ chồng tự tổ chức đám cưới trên chỗ gần công ty rồi cha mẹ hai bên lên tham dự và sau đó đến năm 2016 vợ chồng có đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND Thị trấn Gò Quao, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang theo quy định của pháp luật.

Sau khi cưới, vợ chồng bà chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng 07 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do trong cuộc sống vợ chồng

không tìm được tiếng nói chung, có nhiều bất đồng trong cách sống sinh hoạt nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Hơn nữa, anh K không lo làm ăn mà thường xuyên tụ tập uống rượu, rồi cờ bạc và nhiều lần uống say về đe dọa sẽ giết chết chị nên chị bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống và vợ chồng tự ly thân với nhau từ đó cho đến nay khoảng hơn 02 năm nay. Từ khi ly thân đến nay, chị và anh K không có liên lạc với nhau, cũng không có gặp mặt và không hòa giải được với nhau. Nay, chị nhận thấy vợ chồng không thể nào hàn gắn với nhau được nữa nên yêu cầu được ly hôn.

Quá trình chung sống, vợ chồng chị có 02 con chung tên: Nguyễn Cẩm Th – sinh ngày 09/6/2013 và Nguyễn Hoàng Đ – sinh ngày 19/9/2014. Hiện nay, hai cháu đang sống cùng với chị.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N xác định vợ chồng không có tài sản chung và cam kết vợ chồng cũng không có thiếu nợ ai.

Tại phiên tòa: Về quan hệ hôn nhân, chị Lê Thị N yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng K; Về con chung, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung là Nguyễn Cẩm Th và Nguyễn Hoàng Đ, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, chị N xác định vợ chồng không có tài sản chung và cam kết vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Hoàng K không có mặt tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật cho anh K nhưng anh không có mặt cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của anh.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng đều vắng mặt là không tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 56, Điều 81, 82, 83 và 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận cho chị Lê Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng K; Về con chung: Giao con hai chung tên Nguyễn Cẩm Th – sinh ngày 09/6/2013 và Nguyễn Hoàng Đ – sinh ngày 19/9/2014 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ghi nhận việc chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được với nhau nên chị Lê Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hoàng K được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (Bộ luật BLTTDS 2015).

Anh Nguyễn Hoàng K với tư cách là bị đơn trong vụ án, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, anh K không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện, không nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, không đến Tòa án để tham gia phiên họp, hòa giải là không thực hiện đúng về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mặt khác, anh K đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh K.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh Nguyễn Hoàng K xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2012, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND Thị trấn Gò Quao, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 12/2016 ngày 03/02/2016, theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của chị Lê Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng K vì lý do anh K và chị có quá nhiều bất đồng trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung và thường xuyên tranh cãi, không hạnh phúc do đó, thêm vào đó là do anh K ghen tuông và bạo lực gia đình, chị không chịu đựng được nên chị dẫn con về nhà cha mẹ ruột sống và vợ chồng đã tự ly thân với nhau khoảng hơn 02 năm nay. Đối với anh Nguyễn Hoàng K, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt và thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng trong đó có 02 lần tổng đạt Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để điều kiện cho vợ chồng anh chị hòa giải, đoàn tụ với nhau nhưng anh Nguyễn Hoàng K đều không có mặt nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên tòa, chị N khai rõ trong suốt thời gian ly thân, vợ chồng anh chị không gặp mặt nhau và không còn liên lạc với nhau nữa, bản thân chị thì không còn tình cảm gì với anh K và tỏ rõ thái độ cương quyết ly hôn với anh K. HĐXX thấy rằng, trước khi cưới nhau anh chị không có tìm hiểu kỹ nên khi về sống chung một thời gian thì bộc lộ cá tính của mỗi người nên khi xảy ra mâu thuẫn không giải quyết được dẫn đến tranh chấp kéo dài làm cho tình trạng hôn nhân

trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị N xác định vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Cẩm Th – sinh ngày 09/6/2013 và Nguyễn Hoàng Đ – sinh ngày 19/9/2014. Hiện nay, hai cháu Th và Đ đang sống cùng với chị N nên chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Cháu Th và cháu Đ cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng với chị N.

HĐXX thấy rằng, từ khi ly thân đến nay, cháu Th và cháu Đ sống cùng với chị N và phát triển bình thường như những đứa trẻ khác nên việc chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai cháu là phù hợp với thực tế, phù hợp với nguyện vọng của cháu Th, cháu Đ và phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ghi nhận việc chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị N xác định vợ chồng không có tài sản chung và cam kết vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Án phí ly hôn là 300.000đ chị N phải nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng K.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Cẩm Th – sinh ngày 09/6/2013 và Nguyễn Hoàng Đ – sinh ngày 19/9/2014 cho chị Lê Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận việc chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Hoàng K không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nhưng có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh K thực hiện quyền này.

Khi cần thiết anh, chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Lê Thị N phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006651, ngày 08/02/2022 của Chi cục Thi hành

án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị N đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 20/7/2022.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 9 Luật thi hành án dân sự và các Điều 7, 7a, 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- UBND Thị trấn Gò Quao;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kim Nhật

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Kim Nhập